

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:05/2023/QĐCNHGT-DS

Quận Lê Chân, ngày 13 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào Điều 32, 33, 34 và Điều 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Sau khi nghiên cứu:

Đơn khởi kiện về tranh chấp Hợp đồng tín dụng ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Ngân hàng Thương mại cổ phần A;

Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- Người khởi kiện: Ngân hàng TMCP A; địa chỉ: Số 422 N, phường 5, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo Ủy quyền: Bà Đào Thị L- Nhân viên Xử lý nợ Ngân hàng TMCP A (theo giấy Ủy quyền số 423/UQ-CNTL .23 ngày 20/02/2023).

- Người bị kiện: Anh Nguyễn Quốc C; nơi cư trú: Số 136 H, phường H, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị N; nơi cư trú: Số 136 H, phường H, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;

Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 28 tháng 3 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 28 tháng 3 năm 2023 cụ thể như sau:

1.1. Về khoản nợ: Tính đến hết ngày 28/3/2023 anh Nguyễn Quốc C còn nợ Ngân hàng TMCP A tổng số tiền là: 86.521.822 đồng (tám mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi một nghìn, tám trăm hai mươi hai đồng) gồm: nợ gốc 64.160.000 đồng (sáu mươi tư triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng); lãi trong hạn là: 13.957.315 đồng (mười ba triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn, ba trăm mười lăm nghìn) và lãi quá hạn: 5.912.593 đồng (Năm triệu, chín trăm mười hai nghìn, năm trăm chín mươi ba nghìn) và phạt chậm trả lãi: 2.491.913 đồng (hai triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn, chín trăm mười ba nghìn) theo Hợp đồng tín dụng số SHP.CN.2837080120 ngày 08 tháng 01 năm 2020;

1.2. Về phương thức thanh toán: Hai bên thống nhất đến ngày 28/4/2023 anh Nguyễn Quốc C sẽ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 64.160.000 đồng còn nợ tại Ngân hàng TMCP A và đến hết ngày 15/5/2023, anh C sẽ thanh toán toàn bộ số tiền nợ lãi và phạt chậm trả lãi tính đến hết ngày 28/3/2023 là 22.361.821 đồng và số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ chưa thanh toán tại Ngân hàng TMCP A kể từ ngày 29/3/2023 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số nợ theo thỏa thuận giữa hai bên trong Hợp đồng tín dụng số SHP.CN.2837080120 ngày 08/01/2020.

Anh Nguyễn Quốc C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh (lãi quá hạn và phạt chậm trả) đối với khoản nợ gốc kể từ sau ngày hòa giải (28 tháng 3 năm 2023) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ theo mức lãi suất thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp anh Nguyễn Quốc C không thanh toán được khoản nợ hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP A thì bà Vũ Thị N sẽ có trách nhiệm trả nợ thay anh Nguyễn Quốc C theo giấy cam kết về việc trả nợ ký ngày 08/01/2020 tại Ngân hàng TMCP A.

Trường hợp anh C và bà Ng vi phạm bất kỳ cam kết trả nợ nào thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

3. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan THADS đề thi hành;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc, TA.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hải Yến

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-QĐ:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân cấp tỉnh của tỉnh đó nếu Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện (ví dụ: Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng thì ghi “TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG”; Ghi “TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO” nếu Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp tỉnh.
- (2) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định;
- (3) Ghi loại tranh chấp, VD: HNGĐ, DS, KDTM.....
- (4) Ghi họ tên của Thẩm phán ký quyết định.
- (5) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.
- (6) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện đề nghị giải quyết.
- (7) (8) Ghi đầy đủ tên, năm sinh, nơi cư trú của các bên đương sự.
- (9) Nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.
- (10) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các bên về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ việc đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận kết quả hoà giải thành tại Tòa án.